TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B
TỈNH LÀO CAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2021/HS-ST
Ngày 10 tháng 03 năm 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH LÀO CAI

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Ngô Đức Quang.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Xuân Phú.
Bà Tưởng Thị Tuyết.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hải Linh - Thư ký toà án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai tham gia phiên toà: Bà Cao Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 03 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 01/2021/TLST-HS ngày 27 tháng 01 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2021/QĐXXST-HS ngày 26/02/2021 đối với bị cáo:

Lý Văn N - (tên gọi khác: Không) - sinh ngày 08 tháng 7 năm 1999, tại huyện B, tỉnh Lào Cai.

Nơi cư trú: Thôn V, xã C, huyện B, tỉnh Lào Cai; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hoá: 8/12; Dân tộc: Dao; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lý Văn Đ - sinh năm 1954. Trú tại: Thôn V, xã C, huyện B, tỉnh Lào Cai. Con bà: Lý Thị N (đã chết).

Vợ, con: Chưa có.

Tiền án: Bị cáo có 01 tiền án. Bản án số 49/2019/HSST ngày 28/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu xử phạt xử phạt Lý Văn N 01 năm tù về tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. Ngày 24/10/2020 Lý Văn N chấp hành xong hình phạt tù, tính đến ngày phạm tội mới chưa được xóa án tích.

Tiền sư: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/12/2020. Hiện đang tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Lào cai. Có mặt tại phiên tòa

- **Người bào chữa:** Cho bị cáo Lý Văn N là bà Nguyễn Thị Hương T trợ giúp viên trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Lào Cai. Có mặt tại phiên tòa.

- **Bị hại :** Anh Đặng Văn C - sinh năm 1975, tại huyện B, tỉnh Lào Cai.

Nơi cư trú: Thôn V, xã C, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Vắng mặt, đã có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án như sau: Chiều ngày 12/12/2020, Lý Văn Ng cùng Hoàng Văn C, sinh năm 1992 và Lý Văn N, sinh năm 1984 đều trú tại thôn V, xã C, huyện B. Đến nhà anh Đặng Văn C cùng thôn, để thi công công trình xây dưng nhà ở cho gia đình anh Đặng Văn C. Sau khi nghỉ làm, anh Đặng Văn C mời Lý Văn Ng, Lý Văn N và Hoàng Văn C ở lại ăn cơm uống rượu. Đến khoảng 21 giờ mọi người ăn cơm xong ngồi uống nước tại nhà bếp, Lý Văn N đi vào phòng khách nhà anh Đặng Văn C thì nhìn thấy 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A71 màu vàng. Lý Văn N nảy sinh ý định trộm cắp, quan sát không thấy có ai ở đó, N đã cầm chiếc điện thoại cho vào túi quần bên trái đang mặc rồi đi ra về phòng trọ ở xã B để cất giấu. Ngày 15/12/2020, Lý Văn N đã bị triệu tập đến Công an xã C và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, đồng thời tự nguyện giao nộp chiếc điện thoại đã trộm cắp.

Kết luận định giá tài sản số 16/KL-HDĐG ngày 16/12/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B kết luận:

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A71 mặt trước có viền quanh màn hình màu trắng, mặt sau màu vàng cát có giá trị 2.000.000 (hai triệu) đồng.

+ 01 (một) ốp nhựa màu đen trắng có hình hoa hồng đã qua sử dụng có giá trị 10.000 (mười nghìn) đồng. Tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt là 2.010.000 *(hai triệu không trăm mười nghìn)*.

Cáo trạng số 03/CT - VKS ngày 26/01/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai, truy tố ra trước Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai để xét xử đối với bị cáo Lý Văn N về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

- Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Tuyên bố bị cáo Lý Văn N phạm tội "Trộm cắp tài sản".

+ Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm h, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lý Văn N từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

+ Về hình phạt bổ sung: Không cần áp dung hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

+ Về vật chứng: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A71 màu vàng, cơ quan điều tra Công an huyện B đã trả lại cho bị hại là đúng quy định của pháp luật.

+ Về bồi thường dân sự: Bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường. Không giải quyết trong vụ án này.

+ Về án phí: Buộc bị cáo N phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

- Ý kiến của người bào chữa: Sau khi tóm tắt nội dung vụ án, đánh giá chứng cứ cho rằng: Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện B truy tố bị cáo Lý Văn N về tội "trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Xong cũng cần xem xét giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo, vì bị cáo là người dân tộc thiểu số, nhận thức pháp luật hạn chế, phạm tội chưa gây thiệt hại và trong quá trình điều tra và tại phiên tòa đều thành khẩn khai báo và nhận tội. Nên đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm h,s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lý Văn N mức thấp nhất của khung hình phạt là 06 (sáu) tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Bị hại anh Đặng Văn C vắng mặt, trong đơn đề nghị xét xử vắng mặt bị hại đề nghị: Về phần hình phạt đối với bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật. Về phần bồi thường bị hại đã nhận được tài sản bị mất, không yêu cầu bị cáo phải bồi thường khoản tiền nào khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tội danh và hình phạt: Tại phiên toà hôm nay, bị cáo Lý Văn N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận của bị cáo đúng như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện B đã truy tố đối với bị cáo và phù hợp với lời khai của bị hại, cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy đã đủ cơ sở kết luận, bị cáo Lý Văn N là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu, lén lút chiếm đoạt 01 chiếc điện thoại trị giá 2.010.000đ *(hai triệu không trăm, mười nghìn đồng)* đã cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Hành vi của bị cáo N là nguy hiểm cho xã hội xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an, an toàn xã hội tại địa phương. Nên đưa vụ án ra xét xử công khai tại phiên tòa hôm nay là cần thiết, thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật đối với người phạm tội. Bị cáo N có nhân thân xấu đã bị tòa án nhân dân huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu xét xử 01 năm tù về tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. Sau khi chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương, bị cáo không biết ăn năn hối cải, rèn luyện bản thân trở thành công dân có ích cho xã hội mà chỉ một thời gian ngắn lại tiếp tục phạm tội trong thời gian chưa được xóa án tích. Nên cần coi đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự và cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian đủ điều kiện giáo dục, cải tạo.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo N được hưởng hai tình tiết giảm nhẹ theo quy định của tại điểm h,s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Vì bị cáo phạm tội gây thiệt

hại không lớn, tài sản trộm cắp đã kịp thời thu hồi trả lại cho bị hại; sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo.

- Về mức hình phạt: Bị cáo Lý Văn N chiếm đoạt tài sản trị giá 2.010.000 đồng, phải chịu 01 tình tiết tăng nặng là tái phạm và được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo và phạm tội không gây thiệt hại. Do vậy mức hình phạt như người bào chữa đề nghị xử phạt bị cáo 06 tháng tù là nhẹ, chưa tương xứng với nhân thân và tính chất mức độ hành vi phạm tội bị cáo thực hiện, nên không được chấp nhận.

[2] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy không cần phải áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự đối với bị cáo N vẫn đủ tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[3] Về vật chứng gồm: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A71 màu vàng cát, cơ quan điều tra Công an huyện B đã trả lại cho bị hại là đúng quy định của pháp luật. Nên không đề cập xử lý.

[4] Về bồi thường dân sự: Bị hại đã nhận được tài sản bị mất, không yêu cầu bị cáo phải bồi thường dân sự. Nên không đề cập giải quyết.

[5] Về hành vi và quyết định tố tụng của Điều tra viên, cơ quan cảnh sát Điều tra Công an huyện B, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự và bị cáo, bị hại không có khiếu nại gì. Do đó các hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[6] Về án phí: Bị cáo Lý Văn N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ *(hai trăm nghìn đồng)* theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về án phí, lệ phí Toà án

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm h,s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về án phí, lệ phí Toà án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lý Văn N phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Về mức hình phạt: Xử phạt bị cáo Lý Văn N 09 (chín) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam bị cáo 15/12/2020.

3. Về án phí: Buộc bị cáo Lý Văn N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng *(hai trăm nghìn đồng)*

4. Quyền kháng cáo đối với bản án: Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Bị hại được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Bị cáo; bị hại;
- Phòng hồ sơ NV Công an tỉnh;
- CCTHADS huyện;
- CQCSĐT Công an huyện;
- CQTHAHS Công an huyên;
- Sở Tư pháp tỉnh Lào cai;
- Lưu HS-THS-THAHS (4);

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Ngô Đức Quang